

(1.) TÊN DOANH NGHIỆP:

.....

(2.) Số ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

BẢN KÊ HÀNG HÓA

(3.) Kèm theo Tờ khai hải quan vận chuyển số..... ngày ..... đăng ký tại Chi cục Hải quan .....

(4.) Số lượng phương tiện vận chuyển hàng hóa thuộc tờ khai.....

| STT     | Số vận đơn/Số tờ khai xuất khẩu | Tên hàng | Số hiệu kiện, gói | Số chì hàng vận chuyển | Số hiệu niêm phong hải quan | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Xác nhận sửa đổi của công chức | Số PTVC hàng hóa |
|---------|---------------------------------|----------|-------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------|
| (5)     | (6)                             | (7)      | (8)               | (9)                    | (10)                        | (11)                      | (12)                           | (13)             |
| 1       |                                 |          |                   |                        |                             |                           |                                |                  |
| 2       |                                 |          |                   |                        |                             |                           |                                |                  |
| .....   |                                 |          |                   |                        |                             |                           |                                |                  |
| Tổng số |                                 |          |                   |                        |                             |                           |                                |                  |

(14.) ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP KÊ KHAI  
(ký tên, đóng dấu)

(15.) XÁC NHẬN CỦA CCHQ NƠI ĐI  
TÊN CHI CỤC HẢI QUAN NƠI ĐI  
(Ký tên, đóng dấu công chức)

(16.) XÁC NHẬN CỦA CCHQ NƠI ĐẾN  
TÊN CHI CỤC HẢI QUAN NƠI ĐẾN  
(Ký tên, đóng dấu xác nhận)

Ghi chú:

1. Phần doanh nghiệp khai:

- (1): Tên của doanh nghiệp vận chuyển
- (2): Số của Bản kê hàng hóa tối đa 35 ký tự do doanh nghiệp lập để quản lý.
- (3): Số, ngày tờ khai vận chuyển độc lập và tên Chi cục Hải quan mà Bản kê hàng hóa khai cần khai báo.
- (4): Khai tổng số lượng lượt phương tiện vận chuyển của một tờ khai khai vận chuyển độc lập nếu hàng hóa được vận chuyển bằng nhiều xe tải chuyên dụng hoặc nhiều toa xe đường sắt chuyên dụng, lập Bản kê hàng hóa cho từng xe tải hoặc toa xe chuyên dụng.
- (5): Ghi số thứ tự của từng vận đơn hoặc tờ khai xuất khẩu cần khai báo trên tờ khai vận chuyển độc lập;
- (6): Số hiệu của từng vận đơn hoặc tờ khai xuất khẩu;
- (7): Khai tên hàng (nếu có). Trường hợp nhiều hàng trong cùng 01 gói kiện thì chọn tên hàng đại diện, chiếm tỷ trọng cao.

(8): Khai số hiệu gói kiện hàng trong vận đơn/tờ khai xuất khẩu. Trường hợp một vận đơn hoặc một tờ khai xuất khẩu có nhiều gói kiện rời thì khai lần lượt hết số gói kiện rời của vận đơn hoặc tờ khai đó; sau đó khai tiếp vận đơn hoặc tờ khai tiếp theo.

(9): Khai số chì (seal) của hãng vận chuyển tương ứng với mục (8).

(11): Trường hợp có sửa đổi, bổ sung các nội dung đã khai báo từ mục (6) đến (9), khai bổ sung trước khi cơ quan Hải quan niêm phong.

(14): Doanh nghiệp ký tên, đóng dấu xác nhận khai báo.

## **2. Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi:**

(10): Công chức hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi ghi số hiệu niêm phong hải quan cho từng xe chuyên dụng.

(12): Cơ quan Hải quan xác nhận khi chấp nhận nội dung sửa đổi, bổ sung: Công chức hải quan ký tên, đóng dấu tương ứng tại từng nội dung sửa đổi.

(13): Công chức hải quan ghi số phương tiện vận chuyển chuyên chở hàng hóa, ghi số xe tải hoặc số toa xe đường sắt.

(15): Công chức hải quan ghi tên Chi cục Hải quan, ký tên, đóng dấu công chức, ghi ngày tháng năm xác nhận.

## **3. Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến:**

(16): Công chức hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến ghi tên Chi cục Hải quan, ký tên, đóng dấu công chức, ghi ngày tháng năm xác nhận.

**Nguồn:** Thông tư 191/2015/TT-BTC